

Số: 315 /BC-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2021

**BÁO CÁO**

**Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; kết quả thực hiện các mục tiêu của Chiến lược 6 tháng đầu năm 2021 và đánh giá tác động của đại dịch COVID-19 đến việc thực hiện Chiến lược**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 5 ...
	Ngày: 14/9/21

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Điều 25 Luật Bình đẳng giới và Công văn số 3440/UBCVĐXH14 ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban về các vấn đề Xã hội của Quốc hội khóa 14, Chính phủ báo cáo việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; kết quả thực hiện các mục tiêu của Chiến lược 6 tháng đầu năm 2021 và đánh giá tác động của đại dịch COVID-19 đến việc thực hiện Chiến lược với những nội dung cụ thể như sau:

## **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 28/NQ-CP NGÀY 03 THÁNG 3 NĂM 2021 BAN HÀNH CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI GIAI ĐOẠN 2021-2030**

### **1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện**

Trên cơ sở kế thừa những kết quả của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 (Chiến lược 2011-2020), tiếp tục thực hiện sự chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, góp phần đạt được các Mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030, ngày 03 tháng 3 năm 2021 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 (Chiến lược 2021-2030) với mục tiêu tổng quát “Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước”.

Chiến lược 2021-2030 đề ra 6 mục tiêu và 20 chỉ tiêu cụ thể trong các lĩnh vực chính trị; kinh tế, lao động; trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; trong lĩnh vực y tế; giáo dục, đào tạo và thông tin, truyền thông. Chiến lược cũng đề ra 6 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm và giao nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành, cơ quan và địa phương trong việc tổ chức thực hiện.

Sau khi ban hành Chiến lược đến nay đã có 04 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và 40 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng Kế hoạch triển khai Chiến lược giai đoạn 2021-2030. Bên cạnh đó, Hội nghị trực tuyến tổng kết Chiến lược 2011-2020 và triển khai Chiến lược 2021-2030 đã được tổ chức với sự tham gia của hơn 200 đại biểu từ các bộ, ngành, địa phương, tổ chức Liên hợp quốc, đối tác phát triển, tổ chức xã hội; tài liệu Hướng dẫn thu thập số liệu, báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược 2021-2030 được xây dựng và tập huấn cho các địa phương để thực hiện thống nhất trong toàn quốc.

## **2. Kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu**

Để thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược, Chính phủ đã triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Chiến lược, cụ thể như sau:

a) Rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật đảm bảo nguyên tắc về bình đẳng giới trên các lĩnh vực có liên quan.

- Triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, ngày 26 tháng 01 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 126/QĐ-TTg về Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, trong đó có nội dung xây dựng và ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới. Việc xây dựng Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật liên quan, tăng cường tính khả thi, góp phần nâng cao nhận thức, tăng cường giáo dục cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bình đẳng giới.

- Tổ chức tổng kết, đánh giá 18 năm thực hiện Pháp lệnh Dân số đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống bạo lực gia đình Trong quá trình nghiên cứu, xây dựng dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật, nguyên tắc bình đẳng giới, không phân biệt đối xử về giới tiếp tục được quy định trong các dự thảo đề án Luật như: Luật Cảnh sát cơ động; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê; Luật Điện ảnh (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự,... Chính phủ đã ban hành 73 Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành về các lĩnh vực. Việc đánh giá và lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình đề xuất, xây dựng và thẩm định các Nghị định được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

- Công tác lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục được quan tâm thực

hiện

b) Xây dựng và triển khai các Chương trình nhằm thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- Nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị và đảm bảo sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách nhằm phát huy tiềm năng, sức sáng tạo của phụ nữ, hướng tới thực hiện cam kết đạt mục tiêu phát triển bền vững về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Chính phủ đã ban hành Chương trình Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2011-2030.

- Tiếp nối, củng cố những kết quả đã đạt được trong công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016-2020 và góp phần thực hiện mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 cũng như Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, Chính phủ ban hành Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu chung là tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, ngăn chặn sự gia tăng của tình trạng này thông qua việc nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân và phát triển, tăng cường khả năng đáp ứng của các cơ sở cung cấp dịch vụ phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- Thực hiện Chiến lược giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, Chính phủ đang xây dựng Chương trình Truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030 nhằm tạo bước đột phá về chất lượng, hiệu quả trong công tác truyền thông về bình đẳng giới; nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật, chuyển đổi hành vi và ủng hộ tích cực của toàn xã hội trong công tác bình đẳng giới. c) Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới

- Trong 6 tháng đầu năm 2021, các hoạt động truyền thông nhằm thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị là nội dung trọng tâm được đẩy mạnh triển khai thực hiện. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tham mưu, đề xuất các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 nhằm đảm bảo ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân là phụ nữ theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân;

- Xây dựng các chương trình hành động, bồi dưỡng kỹ năng cho nữ ứng cử viên đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Ngoài các kiến thức cơ bản về luật pháp, chính sách, hệ thống cơ quan dân cử, quy trình bầu cử, về bình

đẳng giới và sự tham gia của phụ nữ trong các cơ quan dân cử, các nữ ứng cử viên còn được tạo cơ hội để thực hành các kỹ năng quan trọng thông qua việc diễn tập tiếp xúc cử tri, trình bày chương trình hành động giả định và làm việc với cơ quan truyền thông. Nội dung này đã giúp các nữ ứng cử viên kịp thời trang bị kiến thức, kỹ năng và tự tin hơn khi tranh cử<sup>1</sup>.

- Các hoạt động truyền thông về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị hướng đến các nhóm đối tượng trong cộng đồng cũng đã được đẩy mạnh ở các địa phương với nhiều hình thức đa dạng phong phú nhằm tuyên truyền cho sự kiện chính trị quan trọng của đất nước. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong truyền thông cũng đã được nhiều địa phương vận dụng để truyền tải các thông tin, thông điệp nhằm đảm bảo tính kịp thời và tăng hiệu quả tiếp nhận với người dân.

- Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp và ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như đời sống người dân, để tăng cường công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, đặc biệt là bạo lực với phụ nữ và trẻ em trong thời gian cách ly, giãn cách xã hội, công tác truyền thông về phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực với phụ nữ và trẻ em trên các phương tiện thông tin đại chúng luôn được đẩy mạnh; tăng cường năng lực cho cán bộ cung cấp dịch vụ và cung cấp, phổ biến thông tin về các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ phụ nữ và trẻ em bị bạo lực xâm hại.

- Bên cạnh đó, các nội dung về Luật Bình đẳng giới và các chính sách, pháp luật mới được ban hành có liên quan đến bình đẳng giới tiếp tục được duy trì với nhiều nội dung phong phú, cách làm sáng tạo.

#### d) Công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới

Hiện nay, đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới thường luân chuyển, biến động hàng năm làm ảnh hưởng đến công tác bình đẳng giới nói chung. Do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, các hoạt động nâng cao năng lực thực hiện công tác bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới và công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới bị hạn chế.

- Công tác nghiên cứu, thống kê, công bố thông tin, số liệu về bình đẳng giới

Hiện đã và đang nghiên cứu, đề xuất quy định bổ sung một số chỉ tiêu giám sát đánh giá Chiến lược 2021-2030 vào danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung năm 2021 làm cơ sở pháp

<sup>1</sup> Gần 200 lớp tập huấn về bồi dưỡng kỹ năng, xây dựng chương trình hành động được các cơ quan trung ương và địa phương tổ chức cho gần 40.000 nữ ứng cử viên đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp

lý cho việc thu thập, biên soạn, công bố chỉ tiêu thống kê giới phục vụ giám sát, đánh giá Chiến lược.

Công bố Báo cáo tình hình lao động việc làm quý I năm 2021, Báo cáo tình hình lao động việc làm quý II và 6 tháng đầu năm 2021, Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình hàng năm 2020, 2021. Trong các báo cáo này, nhiều số liệu được công bố có tách biệt giới tính, phục vụ nhu cầu sử dụng số liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác hoạch định chính sách, nghiên cứu.

#### đ) Hoạt động hợp tác quốc tế về bình đẳng giới

Việt Nam luôn khẳng định vai trò, trách nhiệm trong việc tham gia các diễn đàn hợp tác đa phương và song phương về bình đẳng giới; chủ động trao đổi và chia sẻ tại các diễn đàn của Liên hợp quốc những thông tin về chính sách và thực tiễn đảm bảo bình đẳng giới và quyền của phụ nữ. Đồng thời, đề xuất sáng kiến thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ; chủ động đóng góp ý kiến, quan điểm vào các dự thảo nghị quyết có nội dung liên quan tới bình đẳng giới, xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ.

Tham gia tích cực và hiệu quả vào Khóa họp trực tuyến lần thứ 65 của Ủy ban Địa vị Phụ nữ Liên hợp quốc; các hoạt động trong khuôn khổ hợp tác APEC, Diễn đàn Phụ nữ và Kinh tế APEC 2021; Tham dự các Diễn đàn trực tuyến thể hệ bình đẳng do chính phủ Pháp, Mexico và Cơ quan liên hợp quốc về trao quyền cho phụ nữ Liên hợp quốc tổ chức; Tham gia và hoàn thành tốt trách nhiệm là thành viên Ủy ban Phụ nữ ASEAN (ACW) và Ủy ban Thúc đẩy và bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em ASEAN (ACWC).

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

### 1. Mục tiêu 1: Trong lĩnh vực chính trị

**Chỉ tiêu:** *Đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.*

Đây là chỉ tiêu có các nội dung và cách tính mới so với Chiến lược giai đoạn 2011-2020 nên việc thống kê tổng hợp kết quả hiện nay chưa đảm bảo thống nhất với chỉ tiêu của Chiến lược. Theo thống kê của các bộ, ngành, địa phương, tỷ lệ các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ trong 6 tháng đầu năm 2021 như sau:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có lãnh đạo chủ chốt là nữ 13/29, đạt 45%.

Trong đó:

- + Bộ, cơ quan ngang bộ có lãnh đạo nữ chủ chốt: 11/22, đạt 50%
- + Cơ quan thuộc Chính phủ có lãnh đạo nữ chủ chốt: 02/7, đạt 28,6%
- + Nữ Bộ trưởng (bộ, cơ quan ngang bộ): 02/22, đạt 9,1%
- + Nữ Thứ trưởng (bộ, cơ quan ngang bộ): 09/105, đạt 8,6%
- Tỷ lệ Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ
- + Cấp tỉnh: 37,70%%
- + Cấp huyện: 31,77%
- + Cấp xã: 24,94%

Như vậy, chỉ tiêu này cần có thời gian và lộ trình gắn với những giải pháp cụ thể để thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

Bên cạnh đó, mặc dù các chỉ tiêu về tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng, tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp không được đề ra trong Chiến lược 2021-2030 tuy nhiên kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 cho thấy những tiến bộ vượt bậc so với giai đoạn trước, cụ thể:

- Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội đạt 30,26%, cao hơn khóa XIV 3,46% và cao nhất từ Quốc hội khóa V trở lại đây. Kết quả này đã đưa Việt Nam từ xếp hạng thứ 75/193 quốc gia lên bậc xếp hạng thứ 53/193 quốc gia và cao hơn mức trung bình chung của thế giới là 25,5%.

- Tỷ lệ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

+ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 1.079 người (đạt tỷ lệ 29%), cao hơn 2,44% so với nhiệm kỳ trước.

+ Hội đồng nhân dân cấp huyện: 6.584 người (đạt tỷ lệ 29,20%), cao hơn 1,58% so với nhiệm kỳ trước.

+ Hội đồng nhân dân cấp xã: 69.487 người (đạt tỷ lệ 28,98%), cao hơn 2,39% so với nhiệm kỳ trước.

## **2. Mục tiêu 2: Trong lĩnh vực kinh tế, lao động**

**- Chỉ tiêu 1: Tăng tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương lên đạt 50% vào năm 2025 và khoảng 60% vào năm 2030.**

Theo Báo cáo tình hình lao động việc làm quý II năm 2021, tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương là 48,3% và nam là 51,7%. So với năm 2020, tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương của cả nam và nữ đều giảm trong đó

tỉ lệ lao động nam làm công hưởng lương giảm nhiều hơn (năm 2020 là 48,5%, và 54,7%).

Thu nhập bình quân tháng của lao động làm công hưởng lương trong 6 tháng đầu năm 2021 là 7,0 triệu đồng, tăng 282 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân của lao động nam làm công hưởng lương cao hơn lao động nữ 1,2 lần (tương ứng 7,5 triệu đồng và 6,4 triệu đồng).

**- Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm xuống dưới 30% vào năm 2025 và dưới 25% vào năm 2030.**

Trong 6 tháng đầu năm 2021, tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng số lao động nữ có việc làm là 27,5%; trong khi tỷ trọng lao động nam làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng số lao động nam có việc làm là 28,4%. Tỷ lệ này đều có sự giảm nhẹ đối với cả lao động nam và lao động nữ so với năm 2020 (tỷ lệ tương ứng của năm 2020 là 27,9% và 28,6%)

**- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.**

Chỉ tiêu này được thu thập từ cuộc Tổng điều tra kinh tế (thực hiện 05 năm/lần). Tổng điều tra kinh tế năm 2021 đang thực hiện, kết quả sẽ được công bố vào cuối năm 2021, đầu năm 2022. Theo Điều tra Doanh nghiệp năm 2019, tỉ lệ chủ doanh nghiệp là nữ đạt 27,8%.

Tuy nhiên, Báo cáo chỉ số nữ doanh nhân do Mastercard công bố năm 2021 cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam đạt 26,5%, đưa Việt Nam xếp thứ 6 trong số các quốc gia có tỷ lệ nữ doanh nhân cao nhất và là đại diện châu Á duy nhất có mặt trong top 10 quốc gia có tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo. Trong đó, khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa - nơi chiếm hơn 90% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động, đóng góp 40% GDP, tạo việc làm cho hàng triệu lao động - là khu vực chủ yếu do nữ làm chủ.

**3. Mục tiêu 3: Trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới**

**- Chỉ tiêu 1: Giảm số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ còn 1,7 lần vào năm 2025 và 1,4 lần vào năm 2030 so với nam giới.**

Theo kết quả Điều tra lao động việc làm 6 tháng đầu năm 2021, số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ gấp 1,9 lần so với nam giới.

Ngoài ra, năm 2019, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) đã thử nghiệm lồng ghép thu thập thông tin về chỉ tiêu này trong điều tra Lao động việc làm năm 2019, theo đó phụ nữ trung bình dành số giờ để làm việc nhà gấp đôi nam giới. Số giờ trung bình hàng tuần làm việc nhà của nữ là 20.2 giờ, so với nam giới là 10.7 giờ, (cao gấp 1.7 lần). Những công việc này bao gồm các hoạt động như dọn dẹp nhà cửa, giặt quần áo, nấu ăn và đi chợ, chăm sóc gia đình và con cái.

***- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2025 đạt 80% và đến 2030 đạt 90% người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản; đến năm 2025 đạt 50% và đến năm 2030 đạt 70% người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn.***

Theo số liệu báo cáo chưa đầy đủ của các địa phương cho thấy, trong 6 tháng đầu năm 2021 đã phát hiện 1.233 vụ, 1.389 đối tượng xâm hại người dưới 16 tuổi với 1.284 trẻ em (tăng 21,8% số vụ so với cùng kỳ năm 2020). Trong đó, xâm hại tình dục người dưới 16 tuổi xảy ra 1.014 vụ, 1.005 đối tượng với 1.030 trẻ em (chiếm 82,3% tổng số vụ xâm hại người dưới 16 tuổi). Riêng hiếp dâm người dưới 16 tuổi là 303 vụ (tăng 13,9%). Có 110 phụ nữ và trẻ em bị bạo lực trên cơ sở giới; 08 phụ nữ bị ép làm tiếp viên quán karaoke<sup>2</sup>. Từ các thông tin thu nhận được, các địa phương đã tiến hành xác minh và triển khai các biện pháp hỗ trợ cho 100% nạn nhân và khoảng 50% người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn.

***- Chỉ tiêu 3: Từ năm 2025 trở đi, 100% số nạn nhân bị mua bán trở về được phát hiện có nhu cầu hỗ trợ được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.***

Trong 6 tháng đầu năm 2021, các cơ quan chức năng đã tiếp nhận thông tin, xác minh đối với 36 người trong đó xác định 33 người là nạn nhân bị mua bán.

Trong đó nữ: 27 người (chiếm 81,8%), nam: 6 người (chiếm 18,2%); nạn nhân dưới 18 tuổi có 10 người (chiếm 30,3%); nạn nhân là người dân tộc Kinh:

---

<sup>2</sup> Hà Nội: Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội tiếp nhận 78 vụ bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình, trong đó bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái là 76 vụ, trong đó 100 nạn nhân được tư vấn, 64,1%; người gây bạo lực được tư vấn; 23 vụ xâm hại phụ nữ và trẻ em. Hà Tĩnh: trợ giúp pháp lý cho 31 phụ nữ và trẻ em, trong đó có trẻ em gái bị xâm hại về danh dự, nhân phẩm và tài sản. Quảng Ninh: Tổ chức công tác tư vấn trợ giúp nạn nhân bị bạo lực tại các trường học, đã tư vấn trợ giúp cho 30 học sinh, trong đó có 01 học sinh có bản dạng giới khác so với các bạn. Quảng Ngãi: phát hiện và xác minh 01 vụ việc có dấu hiệu cố ý gây thương tích, làm nhục người khác liên quan đến phụ nữ, giải cứu 08 phụ nữ bị ép làm tiếp viên quán karaoke. Đắk Nông: Tiếp nhận, điều tra xử lý 29 vụ, 30 đối tượng, 33 nạn nhân liên quan đến bạo lực trên cơ sở giới, nạn nhân là phụ nữ và trẻ em. Thanh Hóa có 03 vụ xâm hại trẻ em. Thái Nguyên: 04 đơn thư tố cáo về tình trạng xâm hại trẻ em. Cà Mau: 21 trẻ bị xâm hại tình dục. Trà Vinh: 10 vụ xâm hại tình dục trẻ em, khởi tố 10 vụ.



7 người (21,21%), dân tộc khác: 25 người (75,75%); nạn nhân là người nước ngoài: 01 người (3%).

- Số nạn nhân bị mua bán ra nước ngoài (Trung Quốc): 31 người.

- Số nạn nhân tự trở về là 4 người, được giải cứu là 28 người, trao trả song phương là 1 người.

- Số nạn nhân có nhu cầu được hỗ trợ theo quy định của pháp luật là 28 người, trong đó, hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại 28 người. Số nạn nhân có nhu cầu vào cơ sở trợ giúp xã hội là 9 người.

**- Chỉ tiêu 4: Đến năm 2025 có 70% và năm 2030 có 100% cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.**

Theo thống kê chưa đầy đủ từ các địa phương, hiện nay cả nước có 292 cơ sở trợ giúp xã hội công lập trong đó có gần 50 cơ sở cung cấp dịch vụ hỗ trợ, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, chiếm khoảng 17%. Ngày 20 tháng 4 năm 2020 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 542/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Việc quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội, đồng thời cũng mở rộng các loại hình dịch vụ, trong đó có các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Phần đầu đến năm 2025 và 2030 đạt được các mục tiêu của Chiến lược.

#### **4. Mục tiêu 4: Trong lĩnh vực y tế**

**- Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh ở mức 111 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2025 và 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2030.**

Theo kết quả Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình hàng năm, năm 2021 tỷ số giới tính khi sinh là 113,7 bé trai/100 bé gái, tăng hơn so với năm 2020 (112,1 bé trai/100 bé gái).

**- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản giảm còn 42/100.000 trẻ sinh sống vào năm 2025 và xuống dưới 42/100.000 vào năm 2030.**

Chỉ tiêu này được thu thập và công bố 10 năm/lần dựa trên kết quả các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở.

**- Chỉ tiêu 3: Tỷ suất sinh ở vị thành niên giảm từ 23 ca sinh/1.000 phụ nữ xuống 18/1.000 vào năm 2025 và dưới 18/1.000 vào năm 2030.**

Kết quả thực hiện chỉ tiêu này được thực hiện 05 năm/lần, dựa trên kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ và Tổng điều tra dân số và nhà ở.

**- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất một cơ sở y tế cung cấp thí điểm dịch vụ chăm sóc sức khỏe dành cho người đồng tính, song tính và chuyển giới đạt 40% vào năm 2025 và 70% vào năm 2030.**

Đây là chỉ tiêu mới so với Chiến lược 2011-2020, hiện nay Bộ Y tế đang triển khai và thống kê kết quả thực hiện chỉ tiêu này.

### **5. Mục tiêu 5: Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo**

**- Chỉ tiêu 1: Nội dung về giới, bình đẳng giới được đưa vào chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân và được giảng dạy chính thức ở các trường sư phạm từ năm 2025 trở đi.**

**- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học đạt trên 90% vào năm 2025 và khoảng 99% vào năm 2030; tỷ lệ hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt khoảng 85% vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.**

Đây là các chỉ tiêu mới so với Chiến lược 2011-2020. Hiện nay Bộ Giáo dục và Đào tạo đang xây dựng Kế hoạch hành động về bình đẳng giới của ngành Giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025 và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện Chiến lược. Do đó kết quả thực hiện các chỉ tiêu này hiện chưa thống kê được.

**- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp đạt trên 30% vào năm 2025 và 40% vào năm 2030.**

- Năm 2020: tổng số nữ học viên, học sinh, sinh viên tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp là 715.553 người (chiếm 32% so với tổng số tuyển mới của cả nước), trong đó: trình độ trung cấp, cao đẳng là 182.379 người (chiếm 8,06 % so với tổng số cả nước), trình độ sơ cấp và các chương trình giáo dục nghề nghiệp khác là 533.174 người (chiếm 23,93 % so với tổng số cả nước).

- Kết quả tuyển mới 6 tháng đầu năm 2021: số nữ học viên, học sinh, sinh viên là 193.000 người (chiếm 18% so với tổng tuyển sinh cả nước). Tuy nhiên, đến nay kỳ tuyển sinh vào đại học, cao đẳng và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021 mới bắt đầu nên số liệu thống kê trên chưa phản ánh thực chất tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp trong kỳ tuyển sinh 2021.

**- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số người có trình độ thạc sĩ đạt không dưới 50% từ năm 2025 trở đi. Tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người có trình độ tiến sĩ đạt 30% vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.**

Kết quả thực hiện chỉ tiêu này được tính dựa trên kết quả Điều tra biến động dân số, Điều tra lao động việc làm hằng năm. Hiện nay Tổng cục Thống kê chưa tiến hành xong các điều tra trên của năm 2021 do đó chưa có số liệu báo cáo.

#### **6. Mục tiêu 6: Trong lĩnh vực thông tin, truyền thông**

*- Chỉ tiêu 1: Phần đầu đạt 60% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030 dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới.*

*- Chỉ tiêu 2: Từ năm 2025 trở đi 100% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới và cam kết thực hiện bình đẳng giới.*

*- Chỉ tiêu 3. Từ năm 2025 trở đi 100% xã, phường, thị trấn mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở.*

Đây là các chỉ tiêu mới so với Chiến lược 2011-2020. Đến nay các bộ, ngành, địa phương đang xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện Chiến lược trong phạm vi bộ, ngành, địa phương, do đó kết quả thực hiện chỉ tiêu này hiện chưa thống kê được.

*- Chỉ tiêu 4: Duy trì đạt 100% đài phát thanh và đài truyền hình ở Trung ương và địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới hàng tháng.*

Theo báo cáo của các địa phương, từ năm 2020, 100% đài phát thanh và đài truyền hình địa phương đã có chuyên mục, chuyên trang về bình đẳng giới dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng, được phát sóng định kỳ. Một số đài địa phương đã có chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền về đề tài bình đẳng giới tới đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Các chương trình này đều được xây dựng với các hình thức, nội dung phong phú, đa dạng, phù hợp với các đối tượng tiếp nhận thông tin nhằm nâng cao nhận thức, vai trò của người phụ nữ về bình đẳng giới và tiến bộ phụ nữ. Đến nay các kết quả này vẫn được duy trì. Như vậy, kết quả thực hiện chỉ tiêu này được duy trì và đạt so với yêu cầu Chiến lược.

### **III. TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC**

#### **1. Tác động của đại dịch COVID-19 đối với lĩnh vực bình đẳng giới trên thế giới**

Đại dịch COVID-19 đang là mối nguy hiểm hàng đầu của toàn nhân loại. Kể từ khi được phát hiện lần đầu vào tháng 12 năm 2019 đến nay, dịch COVID-19 đã lây lan ra trên 200 quốc gia và vùng lãnh thổ với tốc độ nhanh chóng,

nhiều nơi không thể kiểm soát. Ngày 11 tháng 3 năm 2020, Tổ chức Y tế Thế giới đã chính thức tuyên bố sự bùng phát của dịch COVID-19 là đại dịch toàn cầu. Phòng, chống COVID-19 hiện nay không chỉ còn là mối quan tâm của mỗi một cá nhân, tổ chức, hay một cộng đồng, quốc gia mà đã trở thành mối quan tâm chung của toàn thế giới.

- Theo Báo cáo về khoảng cách giới toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) năm 2021, ước tính đại dịch COVID-19 đã làm chậm tiến trình thu hẹp khoảng cách giới tương đương “một thế hệ” (từ 99,5 năm tới 135,6 năm, dựa trên tiến độ hiện tại)<sup>3</sup>. Các nghiên cứu khác cũng cho rằng đại dịch COVID-19 đã tác động sâu sắc đối với phụ nữ, những người có nguy cơ bị mất việc làm cao hơn nhiều so với nam giới, trong khi vẫn phải đảm nhận gánh nặng chăm sóc gia đình khi các trường học bị đóng cửa. Các báo cáo nhấn mạnh rằng những tác động này sẽ còn kéo dài và các mục tiêu cơ bản đối với bình đẳng giới đang trở nên càng khó thực hiện. Có thể nói, đại dịch COVID-19 có nguy cơ khiến bất bình đẳng gia tăng cùng lúc ở hầu hết các quốc gia, điều chưa từng xảy ra trong lịch sử.

- Đại dịch COVID-19 đã tạo ra sự gián đoạn hệ thống giáo dục lớn nhất trong lịch sử, ảnh hưởng tới gần 1,6 tỷ người học tại hơn 190 nước trên tất cả các châu lục và làm gia tăng bạo lực đối với phụ nữ.

## **2. Tác động của đại dịch COVID-19 đến bình đẳng giới và việc thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 ở Việt Nam**

Từ năm 2020 đến nay, Việt Nam đã trải qua 4 đợt bùng phát dịch, trong đó đợt dịch thứ 4 từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến nay đã ghi nhận 418.320 ca mắc. Đến ngày 28 tháng 8 năm 2021, Việt Nam có tổng cộng 422.469 ca mắc, trong đó 208.215 người đã được điều trị khỏi bệnh và 12.375 ca tử vong.

Đại dịch COVID-19 đã tác động nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế - xã hội nhưng mức độ ảnh hưởng đối với nam và nữ là khác nhau, điều này đã góp phần làm tăng khoảng cách giới trong một số lĩnh vực, ảnh hưởng đến việc thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ cũng như triển khai thực hiện các mục tiêu của Chiến lược quốc gia.

### **2.1. Trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm**

Báo cáo tác động của đại dịch COVID-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam cho thấy có tới 87,2% doanh nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực bởi COVID-19. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện chiếm hơn 90% tổng số doanh nghiệp chủ yếu do

<sup>3</sup>Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF). 2021. Báo cáo khoảng cách giới toàn cầu 2021. Geneva: WEF.

phụ nữ làm chủ<sup>4</sup>. Các nghiên cứu khác cũng chỉ ra rằng dịch bệnh COVID-19 khiến cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ bị thiệt hại hơn nhiều so với doanh nghiệp do nam làm chủ. Số doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ phải tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh cao gấp đôi so với doanh nghiệp nhỏ và vừa do nam làm chủ.

Đại dịch COVID-19 ảnh hưởng đến tình hình lao động việc làm. Số lao động có việc làm trong quý II năm 2021 giảm so với quý trước; lao động có việc làm phi chính thức tiếp tục tăng, đưa quý II năm 2021 trở thành quý có tỷ lệ lao động phi chính thức ở mức cao nhất so với các quý khác trong vòng 3 năm trở lại đây.

Khủng hoảng COVID-19 đã tạo ra khoảng cách về tỷ lệ thất nghiệp theo hướng bất lợi cho phụ nữ. Khi đại dịch xuất hiện, tỷ lệ thất nghiệp của phụ nữ trong quý IV năm 2020 tăng so với quý IV năm 2019 (quý IV năm 2019, tỷ lệ thất nghiệp từ 15 tuổi trở lên của nam và nữ là 2,12% và 1,90% quý IV năm 2020 tương ứng là 1,75% và 3,24%). Trong số những phụ nữ phải rời bỏ lực lượng lao động trong quý II, III năm 2020 thì nhóm phụ nữ trẻ (từ 15 đến 24 tuổi) và nhóm phụ nữ từ 55 tuổi trở lên chiếm phần lớn. Phụ nữ thường tập trung ở một số ngành/lĩnh vực sản xuất, dịch vụ và bị ảnh hưởng nhiều nhất. Đáng chú ý là tỷ lệ phụ nữ cho biết họ là lao động tự làm hoặc lao động gia đình đã tăng lên và cao gấp đôi so với tỷ lệ này ở nam giới (19,6% so với 8,6% ở nam giới). Đây là nhóm đối tượng lao động phần lớn không có bảo hiểm xã hội.

Điều đáng quan tâm là sau mỗi lần dịch bệnh được kiểm soát, hoạt động kinh tế được khôi phục trở lại, học sinh được tới trường học, cả nam giới và phụ nữ đều tăng số giờ làm việc để cố gắng bù đắp thu nhập bị mất trước đó. Tuy nhiên, trung bình phụ nữ làm thêm nhiều giờ hơn nam giới, điều này khiến gánh nặng kép của họ lại càng trở nên nặng nề thêm.

## 2.2. Trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe

COVID-19 làm gián đoạn việc tìm kiếm các dịch vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu. Việc giãn cách xã hội cũng như các biện pháp phong tỏa trong thời kỳ dịch bệnh làm gián đoạn việc tìm đến các dịch vụ y tế hỗ trợ, nhất là phụ nữ và trẻ em, trong đó phụ nữ mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ là những đối tượng bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Tỷ lệ người mẹ sinh con tại các cơ sở y tế giảm, đồng thời, tổng số ca tử vong ở người mẹ liên quan đến thai sản được ghi nhận gia tăng. Bên cạnh đó, tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại cũng giảm đối với một vài nhóm dân số. Tình trạng này sẽ tác động tiêu cực tới những tiến bộ về giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan tới thai sản mà Việt Nam đã đạt được

<sup>4</sup> Phát biểu của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hoà Bình tại Đại hội đại biểu Hiệp hội nữ Doanh nhân Việt Nam lần thứ hai, nhiệm kỳ 2021 - 2026 vào ngày 30.3.2021.

trong 10 năm qua<sup>5</sup>. Việc thiếu hụt dịch vụ chăm sóc y tế cũng như dinh dưỡng dễ dẫn đến nguy cơ về sức khỏe đối với phụ nữ và trẻ sơ sinh đặc biệt là nhóm phụ nữ nghèo, phụ nữ lao động di cư. Bên cạnh đó, phụ nữ mang thai, mới sinh con, nuôi con nhỏ gặp nhiều khó khăn khi thực hiện tìm kiếm việc làm cũng như trong quá trình di cư nhằm đối phó với dịch bệnh.

+ Những áp lực đối với đội ngũ nữ nhân viên y tế tuyến đầu: do nhu cầu tăng đột biến về dịch vụ y tế trong các đợt bùng phát dịch đã cho thấy những thách thức không nhỏ đối với đội ngũ nữ nhân viên y tế tuyến đầu. Theo báo cáo đánh giá của Liên hợp quốc về tác động xã hội của COVID-19 đối với Việt Nam vào năm 2020, bên cạnh công việc chuyên môn, hầu hết các nữ y, bác sỹ vẫn phải đảm nhận công việc chăm sóc gia đình, nên việc tạm thời đóng cửa trường học và sự thiếu vắng các dịch vụ chăm sóc thay thế đã tác động rất lớn đến họ, đặc biệt vào thời điểm bị quá tải công việc trong cơ sở y tế. Báo cáo này cho biết các nghiên cứu quốc tế cũng đã phát hiện sức khỏe tâm thần của các nhân viên y tế tuyến đầu đã bị ảnh hưởng nhiều do COVID-19. Bên cạnh đó, các trang thiết bị y tế không phải lúc nào cũng phù hợp với từng giới và mang tính nhạy cảm giới. Mặc dù nữ nhân viên y tế chiếm tỷ lệ cao trong lực lượng lao động của ngành, song cũng như nhiều nước khác, các thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) như khẩu trang y tế, bộ quần áo liền thân vẫn được thiết kế theo kích cỡ của nam giới, do đó không vừa vặn và giảm đi tác dụng bảo vệ đối với phụ nữ trong ngành y tế. Bên cạnh đó, các sản phẩm vệ sinh kinh nguyệt ban đầu đã không được đưa vào bộ đồ dùng thiết yếu ứng phó với đại dịch dành cho nhân viên y tế tuyến đầu khi họ nhận nhiệm vụ ở những địa bàn đang có dịch bùng phát<sup>6</sup>.

### 2.3. Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Từ đầu tháng 2 năm 2020, việc thực hiện giãn cách xã hội đã khiến việc học tập của hơn 21 triệu trẻ em Việt Nam bị ảnh hưởng<sup>7</sup> và tác động đến khoảng 26% số hộ gia đình có con trong độ tuổi đi học<sup>8</sup>. Nhóm trẻ mầm non bị ngắt quãng hoàn toàn trong học tập và kết nối với nhà trường, phải nghỉ học ở nhà hoặc phải gửi ông/bà/người thân chăm sóc. Mỗi hộ gia đình phải có tối thiểu một người lớn giảm hoặc ngừng hẳn công việc tạo thu nhập để trông nom, chăm

<sup>5</sup>UNFPA (2020). Tài liệu kỹ thuật: Tác động của đại dịch COVID-19 đến sức khỏe bà mẹ và kế hoạch hóa gia đình tại Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam.

<sup>6</sup>Liên hợp quốc. Tháng 8/2020. Phân tích của Liên hợp quốc về tác động xã hội của COVID-19 đối với Việt Nam và các khuyến nghị chính sách chiến lược.

<sup>7</sup><https://www.unicef.org/vietnam/vi/nh%E1%BB%AFng-c%C3%A2u-chuy%E1%BB%87n/%C4%91%C6%B0a-tr%E1%BA%BB-em-v%C3%A0o-v%E1%BB%8B-tr%C3%AD-tr%E1%BB%8Dng-t%C3%A2m-trong-%E1%BB%A9ng-ph%C3%B3-v%E1%BB%9Bi-d%E1%BB%8Bch-covid-19-t%E1%BA%A1i-vi%E1%BB%87t-nam>

<sup>8</sup>WB, 2020. Tithu nhập hộ gia đình giảm sâu nhất được ghi nhận vào tháng 4/2020. Thu nhập trung bình của các hộ được khảo sát vào tháng 4/2020 chỉ vào khoảng 29,7% thu nhập tháng 12/2019. Vào tháng 5/2020, con số này tăng lên 51,1%. So với tháng 12/2019, thu nhập trung bình của các hộ được khảo sát đã giảm hơn 70% vào tháng 4/2020 và 49% vào tháng 5/2020.

sóc trẻ em nghỉ học ở nhà. Trong hộ gia đình, các bà mẹ phải giảm/ngừng việc để trông nom, chăm sóc trẻ em nghỉ học ở nhà nhiều hơn so với các ông bố<sup>9</sup>.

Để ứng phó với đại dịch, các trường học có đủ điều kiện đã chuyển sang học tập trực tuyến trong thời gian giãn cách xã hội. Tuy nhiên, học tập trực tuyến đã làm gia tăng khoảng bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, đặc biệt là giữa đồng bằng và vùng dân tộc thiểu số và miền núi do sự gia tăng chi phí giáo dục do yêu cầu về thiết bị và kết nối internet. Điều này sẽ ảnh hưởng trầm trọng hơn tới trẻ em ở những hộ gia đình nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn<sup>10</sup>. Bên cạnh đó, các chương trình học trực tuyến và học từ xa không bao phủ đồng đều trên phạm vi cả nước và thường không hỗ trợ giảng dạy bằng ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số do đó vẫn tồn tại sự bất bình đẳng trong việc tiếp cận giáo dục ở các nhóm trẻ khác nhau.

Việc đóng cửa trường học đã tác động trực tiếp đến việc làm và thu nhập của các giáo viên hợp đồng tại các nhà trường trong hệ thống giáo dục. Đặc biệt là giáo viên mầm non với phần lớn là phụ nữ. Một lực lượng lớn giáo viên dạy hợp đồng đang phải tìm các công việc khác nhau để mưu sinh trong mùa dịch.

#### 2.4. Trong lĩnh vực gia đình và bạo lực trên cơ sở giới

Việc giãn cách xã hội cùng những áp lực về tâm lý, sức khỏe cũng như gánh nặng về kinh tế khi phải nghỉ việc không lương hoặc giảm mức thu nhập hàng tháng gây áp lực cho mỗi gia đình. Tỷ lệ thất nghiệp ngày càng tăng, sự lo lắng gia tăng và căng thẳng tài chính, sự khan hiếm các nguồn lực trong cộng đồng,... đã tạo tiền đề cho cuộc khủng hoảng bạo lực gia đình và lạm dụng trẻ em ngày càng trầm trọng. Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em có xu hướng gia tăng về tần suất và mức độ nghiêm trọng trong khủng hoảng.

Sau khi thực hiện giãn cách xã hội trên phạm vi toàn quốc vào tháng 5 năm 2020, số lượng cuộc gọi đến đường dây nóng và số lượng phụ nữ và trẻ em tìm kiếm chỗ tạm lánh tại Ngôi nhà Bình yên thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã tăng gấp đôi so với cùng kỳ vào năm 2019<sup>11</sup>. Kết quả nghiên cứu ở Hà Nội năm 2020 cho thấy tình trạng xung đột trong hôn nhân hầu như đại trà kể từ khi đại dịch bùng phát. Ước tính có khoảng 87,8% phụ nữ cho biết đã từng bị bạo lực tâm lý, 80,9% phụ nữ chịu hành vi kiểm soát và 59% phụ nữ đã từng bị bạo lực thể chất. Cứ 4 phụ nữ trong được hỏi thì có 1 người (25%) tiết lộ từng bị bạo lực tình dục. Một nửa số phụ nữ (51%) từng có ý định tự tử. Đáng chú ý,

<sup>9</sup> WB, 2020. "Theo dõi tác động của COVID-19 đối với hộ gia đình Việt Nam: Tóm tắt kết quả Khảo sát tần suất cao qua điện thoại đối với hộ gia đình".

<sup>10</sup> ILSSA & GIZ, 2020. "Đánh giá tác động của dịch COVID-19 đến lao động phi chính thức tại Việt Nam".

<sup>11</sup> Quỹ Nhi đồng LHQ (UNICEF). Tháng 8 năm 2020. Đánh giá nhanh tác động KT&XH của đại dịch COVID-19 đối với trẻ em và gia đình tại Việt Nam. Hà Nội: UNICEF.

phần lớn phụ nữ được phỏng vấn cho biết tất cả các hình thức bạo lực diễn ra thường xuyên hơn trong bối cảnh đại dịch COVID-19 so với trước đây<sup>12</sup>.

- Công việc chăm sóc không được trả công của phụ nữ gia tăng

Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, quá trình chuyển đổi từ văn phòng sang làm việc tại nhà diễn ra nhanh chóng ở phạm vi và quy mô lớn, điều này đã dẫn đến nhiều phát sinh đối với phụ nữ hơn so với nam giới. Việc thực hiện biện pháp giãn cách “ở nhà” để kiểm soát COVID-19 đã làm tăng thêm khối lượng công việc chăm sóc không được trả công vốn đã nặng của phụ nữ như kiểm soát việc học ở nhà của con cái, chăm sóc người cao tuổi, các thành viên bị ốm đau trong gia đình, nấu ăn, dọn dẹp nhà cửa,... Nhìn chung, phụ nữ Việt Nam dành nhiều hơn nam giới trung bình hơn 12 tiếng/tuần để làm việc nhà<sup>13</sup>. Trong thời gian đóng cửa trường học, phụ nữ thậm chí còn phải dành nhiều thời gian hơn để chăm sóc con cái và làm việc nhà không lương, điều này làm ảnh hưởng đến chính công việc tạo ra thu nhập cho họ<sup>14</sup>.

### **3. Các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và hỗ trợ người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19**

#### **3.1. Việc ban hành và chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện**

Trước những tác động nặng nề của đại dịch COVID-19, Chính phủ đã có nhiều chính sách, giải pháp nhằm hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, cụ thể: các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; trong quá trình thực hiện đã sửa đổi, bổ sung và mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương cho người lao động trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên ở các cấp mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và điều chỉnh các điều kiện đối với chính sách cho vay để trả lương ngừng việc cho người lao động.

Trong đợt dịch bùng phát lần thứ 4, để tháo gỡ một phần khó khăn cho người dân chịu ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, Chính phủ tiếp tục có các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (Nghị quyết số 68/NQ-CP; Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) với nhiều đột phá về cả nhóm đối tượng và quy trình thực hiện.

<sup>12</sup> Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội (ISDS). Và Trường Đại học Y tế công cộng Hà Nội. Tháng 9/2020. “Kết quả từ một nghiên cứu về tác động của COVID-19 đối với bạo lực gia đình với phụ nữ ở Hà Nội, Việt Nam.

<sup>13</sup>ILO (2020). Tóm tắt về COVID-19: Thị trường lao động tại Việt Nam

<sup>14</sup>Báo cáo của UN Women khu vực châu Á - Thái Bình Dương (2020). 100 ngày đầu tiên của đại dịch COVID-19



Ngoài các chính sách được nhà nước hỗ trợ như trên còn có những chính sách hỗ trợ đối với giáo viên, nhân viên tại cơ sở giáo dục ngoài công lập<sup>15</sup>, bộ đội xuất ngũ, thanh niên xung phong, đối tượng trẻ em, người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn<sup>16</sup>, bổ sung các nhóm lao động không có giao kết hợp đồng lao động như thợ xây dựng, thợ cắt tóc, giúp việc gia đình<sup>17</sup>,... từ nguồn ngân sách hợp pháp.

Để triển khai thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, các bộ, ngành, cơ quan đã chủ động hướng dẫn và thiết lập các đường dây nóng để tiếp nhận phản ánh, khiếu nại, tố cáo, giải đáp các thắc mắc của người dân (Tổng đài 111) về gói hỗ trợ, dịch vụ công,...

### 3.2. Kết quả triển khai

a) Đối với Nghị quyết số 42/NQ-CP và Nghị quyết số 154/NQ-CP của Chính phủ.

Theo dự kiến nguồn lực ban đầu khi đề xuất gói hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 khoảng 61.580 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương) hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt: khoảng 35.880 tỷ đồng.
- Cho vay tái cấp vốn qua Ngân hàng Chính sách xã hội: 16.200 tỷ đồng;
- Tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất: khoảng 6.500 tỷ đồng;
- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề nhằm duy trì việc làm cho người lao động từ Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp: khoảng 3.000 tỷ đồng.

Tính đến ngày 20 tháng 5 năm 2021, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP và Nghị quyết số 154/NQ-CP của Chính phủ như sau:

- Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt: Tính đến ngày 27 tháng 5 năm 2021, thông qua các chính sách hỗ trợ của Nghị quyết số 42/NQ-CP và qua chính sách bảo hiểm thất nghiệp đã hỗ trợ bằng tiền mặt cho trên 14,4 triệu đối tượng bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 (11,9 triệu người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; trên 1,316 triệu lao động có giao kết hợp đồng lao động; trên 01 triệu lao động không có giao kết hợp đồng lao động và trên 37.300 hộ kinh doanh) với tổng kinh phí trên 32.694 tỷ đồng.

- Hỗ trợ người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc: Đến ngày 31 tháng 01 năm 2021 (thời điểm dừng cho vay theo quy định) đã cho vay 41,82 tỷ

<sup>15</sup> Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Ninh Thuận, Bình Thuận

<sup>16</sup> Đà Nẵng, Bạc Liêu, Quảng Nam

<sup>17</sup> Đà Nẵng, Ninh Thuận, Lạng Sơn

đồng cho 245 người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc cho 11.276 lao động. Đến ngày 15 tháng 4 năm 2021, dư nợ của chương trình là 38,99 tỷ đồng với 234 người sử dụng lao động còn dư nợ.

- Đã tiếp nhận hồ sơ và giải quyết tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất đối với 1.846 đơn vị/doanh nghiệp cho 192.503 lao động với tổng số tiền tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất trên 786 tỷ đồng.

Bên cạnh các đối tượng hỗ trợ theo Nghị quyết của Chính phủ, thì các địa phương cũng chủ động có các chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng khác.

b) Kết quả triển khai Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/QĐ-TTg

- Chính sách giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: đến nay khoảng 375 nghìn đơn vị sử dụng lao động với gần 11,2 triệu người lao động được giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ tháng 7 năm 2021 đến hết tháng 6 năm 2022 với tổng số tiền (tạm tính) khoảng 4.322 tỷ đồng để người sử dụng lao động hỗ trợ cho người lao động phòng, chống dịch COVID-19.

- Hiện đã thực hiện chính sách tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất với 136 đơn vị sử dụng lao động cho 17.657 người lao động, tổng số tiền tạm dừng đóng trên 108 tỷ đồng(22/63 tỉnh, thành phố)

- Hiện nay đang rà soát, hoàn thiện hồ sơ theo quy định để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chính sách hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm cho người lao động.

- Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương: đã xác nhận cho 124.001 người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương tại 10.687 đơn vị sử dụng lao động để làm cơ sở phê duyệt danh sách hỗ trợ.

Đến nay, đã phê duyệt và chi trả cho gần 48.000 lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương (trong đó có 50 lao động đang mang thai; 750 trẻ em dưới 6 tuổi) với tổng kinh phí hỗ trợ là gần 98,3 tỷ đồng(21/63 tỉnh, thành phố)

- Đã xác nhận cho 8.245 người lao động ngừng việc tại 288 đơn vị sử dụng lao động làm cơ sở phê duyệt danh sách hỗ trợ.

Hiện đã phê duyệt và chi trả hỗ trợ cho 1.122 lao động ngừng việc (trong đó có 25 lao động đang mang thai; 740 trẻ em dưới 6 tuổi) với tổng kinh phí hỗ trợ là trên 1,4 tỷ đồng. (06 tỉnh, thành phố)

- Chính sách hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động: đến nay đã phê duyệt danh sách hỗ trợ 1.370 người lao động chấm dứt hợp đồng lao

động, không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp (trong đó có 34 người nuôi con dưới 6 tuổi), tổng kinh phí trên 5 tỷ đồng (05 tỉnh, thành phố.) hiện nay đang rà soát, tổng hợp danh sách đề nghị hỗ trợ.

- Chính sách hỗ trợ bổ sung, hỗ trợ tiền ăn và trẻ em: đã phê duyệt danh sách hỗ trợ tiền ăn 65.300 đối tượng F0 (24.500 người) và F1 (40.800 người) và hỗ trợ thêm cho trên 2.600 trẻ em. Đã chi trả tổng số tiền ăn hỗ trợ là gần 12,1 tỷ đồng ( 32/63 tỉnh, thành phố)

- Chính sách hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV và hướng dẫn viên du lịch: đã phê duyệt hỗ trợ 855 viên chức hoạt động nghệ thuật giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV và 750 hướng dẫn viên du lịch, trong đó đã chi trả hỗ trợ cho 655 viên chức hoạt động nghệ thuật và 47 hướng dẫn viên du lịch với tổng số tiền hỗ trợ là 1,58 tỷ đồng( 30/63 tỉnh, thành phố)

- Phê duyệt hỗ trợ trên 24.200 hộ kinh doanh bị tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19, trong đó, đã chi trả hỗ trợ cho trên 7.100 hộ với tổng số tiền hỗ trợ là gần 15,8 tỷ đồng (17/63 tỉnh, thành phố).

- Đã có 369 đơn vị sử dụng lao động đến cơ quan Bảo hiểm xã hội xin xác nhận cho 55.923 người lao động để vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội. đã phê duyệt hồ sơ cho vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cho 220 người sử dụng lao động (đơn vị) để trả lương 34.895 lao động (31/63 tỉnh, thành phố). Đã giải ngân cho 123 đơn vị vay trả lương cho 26.547 lao động với tổng số tiền trên 102,5 tỷ đồng.

- Chính sách hỗ trợ lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác:

+ Đã phê duyệt danh sách gần 765.000 lao động tự do và một số đối tượng đặc thù khác (37/63 tỉnh, thành phố), đã chi trả hỗ trợ trên 560.000 người (chiếm 73% số phê duyệt), với tổng kinh phí gần 790 tỷ đồng (20/63 tỉnh, thành phố (chủ yếu ở các khu vực phía Nam).

+ Ngoài ra, hiện đã thực hiện chi trả hỗ trợ gần 103.500 đối tượng đặc thù của địa phương với tổng kinh phí hỗ trợ gần 89,5 tỷ đồng.

Cùng với các hoạt động hỗ trợ người dân do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể thực hiện, tại một số địa phương còn mở rộng chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khác ngoài quy định của Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/QĐ-TTg<sup>13</sup>.

<sup>13</sup> Đà Nẵng, Quảng Ninh

Bên cạnh đó, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các tổ chức quốc tế cũng đã vận động, hỗ trợ trực tiếp bộ đồ dùng hỗ trợ khẩn cấp cho các nhóm đối tượng là phụ nữ bị bạo lực, có nguy cơ bị bạo lực do ảnh hưởng của COVID-19 tại các địa phương<sup>19</sup>.

### c. Đánh giá kết quả thực hiện các chính sách

Việc triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 đã thể hiện tính ưu việt của chế độ và vai trò lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt, kịp thời, trách nhiệm của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, góp phần khôi phục và phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện “mục tiêu kép” trong bối cảnh khó khăn của đại dịch tác động đến tất cả mọi mặt của đời sống trong nước và trên toàn cầu.

Việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích, đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ đã góp phần khắc phục những khó khăn trong đời sống của nhân dân, người lao động và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi tác động của dịch bệnh COVID-19; không chỉ giúp người lao động và doanh nghiệp có thêm nguồn lực để chống đỡ dịch bệnh, mà quan trọng hơn là còn giúp người lao động và doanh nghiệp có sự chuẩn bị cần thiết để tiếp tục tham gia thị trường lao động, góp phần động viên tinh thần và sự tin tưởng của người dân, doanh nghiệp đối với Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, huy động, tạo động lực, khuyến khích để người dân, cộng đồng xã hội, doanh nghiệp cùng sáng tạo nhiều cách làm, phương thức cụ thể nhằm chia sẻ khó khăn với Nhà nước trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp, khó lường; phát truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái của dân tộc Việt Nam, góp phần xây dựng hình ảnh và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Đặc biệt, việc xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 đã được phân tích và lồng ghép vấn đề bình đẳng giới một cách cụ thể với các giải pháp thiết thực nhằm đảm bảo các quyền lợi và tính đến nhu cầu của mỗi giới, góp phần thúc đẩy bình đẳng giới, rút ngắn khoảng cách về giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Bên cạnh những ưu điểm trên, việc triển khai các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19, đặc biệt là những đối tượng yếu thế như lao động nữ làm việc trong khu vực phi chính thức, lao động nữ di cư vẫn còn một số tồn tại, hạn chế:

<sup>19</sup> Bộ LĐTBXH và các tổ chức quốc tế đã vận động, hỗ trợ trực tiếp hơn 3.000 bộ đồ dùng hỗ trợ khẩn cấp cho phụ nữ bị bạo lực, có nguy cơ bị bạo lực do ảnh hưởng của COVID-19 tại các địa phương.

+ Một số nơi chậm triển khai việc hỗ trợ đối với nhóm lao động, nhất là lao động không có giao kết hợp đồng lao động; việc triển khai thực hiện công tác xác lập hồ sơ hỗ trợ, chi trả cho người dân bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 thời gian đầu còn chậm. Việc thông tin, tuyên truyền, giải thích cho người dân hiểu rõ về các chính sách cũng như điều kiện hỗ trợ ban đầu chưa cụ thể, nhất là tại cấp xã, phường.

+ Số lao động có giao kết hợp đồng lao động, hộ kinh doanh được hỗ trợ; người sử dụng lao động được vay tiền để trả lương ngừng việc cho người lao động vẫn đạt thấp so với dự kiến ban đầu.

+ Công tác cấp phát kinh phí hỗ trợ tại một số địa phương còn chậm, chưa chủ động trong việc chuẩn bị, bố trí kinh phí chi hỗ trợ.

+ Công tác triển khai việc tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất còn chậm đến với doanh nghiệp.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT, GIẢI PHÁP TRONG GIAI ĐOẠN TỚI**

##### **1. Đánh giá tổng quan kết quả đạt được**

- Trong thời gian qua, sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, trong đội ngũ cán bộ, công chức và nhân dân về thực hiện bình đẳng giới đã tạo ra những kết quả rõ rệt, điển hình là tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy các cấp nhiệm kỳ 2021-2025, tỉ lệ nữ trúng cử Hội đồng nhân dân các cấp và tỉ lệ nữ đại biểu Quốc hội khóa 15 đều tăng hơn so với nhiệm kỳ trước.

- Hệ thống văn bản pháp luật, chính sách tiếp tục được hoàn thiện theo hướng đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới. Việc lồng ghép giới trong xây dựng và thực hiện các chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch, đề án,... đã được các cấp, ngành quan tâm, góp phần rút ngắn khoảng cách giới, nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội, tạo điều kiện để phụ nữ và nam giới tham gia và thụ hưởng bình đẳng vào các lĩnh vực của đời sống chính trị - kinh tế - xã hội.

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, Bộ luật Lao động 2019 chính thức có hiệu lực thi hành với những quy định mới, thay đổi cách tiếp cận từ “bảo vệ lao động nữ” sang cách tiếp cận đảm bảo quyền đối với mọi người lao động, cả nữ và nam. Việc áp dụng những quy định riêng đối với lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới và các nội dung mới theo từ năm 2021 sẽ thúc đẩy và đảm bảo hơn các nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động, bao gồm chống phân biệt đối xử trong lao động việc làm như: quy định giảm số năm chênh lệch giữa tuổi nghỉ hưu của nam và nữ từ 5 năm xuống còn 2 năm; chênh lệch tiền lương giữa

nam và nữ, bảo vệ tốt hơn người lao động nữ trong quá trình mang thai và nuôi con nhỏ; nhiều nghề hoặc công việc trước đây cấm sử dụng lao động nữ với mục đích bảo vệ họ thì giờ đây đã mở cửa với nữ giới và cho họ quyền lựa chọn làm hoặc không làm. Cùng với Bộ luật Lao động 2019, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật cũng đã được ban hành và có hiệu lực thi hành từ năm 2021 nhằm đảm bảo tính thống nhất, khả thi của hệ thống pháp luật về lao động và góp phần thúc đẩy bình đẳng giới, rút ngắn khoảng cách giới trong lĩnh vực lao động, việc làm, đảm bảo quyền đối với người lao động nữ và nam.

- Vấn đề bình đẳng giới tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Đảng, nhà nước, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Lần đầu tiên Chính phủ ban hành một Nghị quyết về Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới. Chiến lược đã được ban hành kịp thời với các mục tiêu, chỉ tiêu phản ánh thực chất vấn đề bình đẳng giới và phù hợp với thực tiễn, là cơ sở quan trọng cho việc tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

- Việc đánh giá, tổng kết Chiến lược 2011-2020 và hướng dẫn, triển khai Chiến lược 2021-2030 được thực hiện nghiêm túc, làm cơ sở cho việc triển khai Chiến lược đồng bộ, thống nhất trên toàn quốc.

- Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của người dân, Chính phủ đã kịp thời ban hành và triển khai thực hiện các chính sách phù hợp góp phần khắc phục những khó khăn trong đời sống của nhân dân, người lao động và doanh nghiệp ổn định an sinh xã hội, góp phần thúc đẩy bình đẳng giới, rút ngắn khoảng cách về giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Các cấp, ngành đã quan tâm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, bố trí nguồn lực và tích cực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Đặc biệt là công tác truyền thông về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị nhân dịp Đại hội Đảng và bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

## **2. Một số khó khăn, tồn tại, hạn chế**

- Đại dịch COVID-19 đang diễn biến rất phức tạp, tác động đến hầu hết mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực bình đẳng giới. Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương đang tập trung, ưu tiên mọi nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch nên việc xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Chiến lược của một số bộ, ngành, địa phương bị chậm hơn so với tiến độ. Nhiều hoạt động trong kế hoạch đã bị hoãn, hủy hoặc chuyển sang các hình thức khác, gây ảnh hưởng đến kết quả thực hiện chung.

- Chiến lược 2021-2030 mới được ban hành trong thời gian ngắn (hơn 5 tháng) trong đó có nhiều mục tiêu, chỉ tiêu mới, khác so với các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược 2011-2020 nên các bộ, ngành địa phương cần thời gian để xây dựng các kế hoạch, giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu của Chiến lược. Nhiều kết quả, chỉ tiêu được tính dựa trên kết quả Điều tra biến động dân số, Điều tra doanh nghiệp, Điều tra lao động việc làm hằng năm, đến nay các cuộc điều tra trên của năm 2021 đang trong quá trình tiến hành nên chưa có số liệu để báo cáo, đánh giá.

- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo và thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các bộ, ngành, địa phương tiếp tục có sự thay đổi, phần lớn các cán bộ mới được phân công phụ trách công tác bình đẳng giới còn hạn chế về kiến thức, kỹ năng và thiếu kinh nghiệm trong tổ chức triển khai nhiệm vụ. Ở các bộ, ngành, địa phương, hầu hết cán bộ làm công tác bình đẳng giới đều kiêm nhiệm và thường xuyên thay đổi nên hiệu quả công tác còn hạn chế.

- Công tác thống kê, thông tin, báo cáo về bình đẳng giới chưa đảm bảo hỗ trợ có hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới ở các cấp. Số liệu tách biệt theo giới phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng kế hoạch và lập ngân sách chưa được quan tâm xây dựng ở từng bộ, ngành cũng như trong cả nước. Thông tin về giới ở nhiều lĩnh vực còn thiếu và chưa đồng bộ.

- Từ năm 2021 kinh phí chi cho công tác bình đẳng giới không còn sự hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia nên các bộ, ngành, địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc bố trí kinh phí cho công tác bình đẳng giới.

### **3. Kiến nghị, đề xuất**

#### ***a) Đối với Quốc hội***

- Chỉ đạo các cơ quan của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, các chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, đặc biệt là các nhóm đối tượng yếu thế, chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch.

- Đẩy mạnh các hoạt động thẩm tra, giám sát lồng ghép giới trong xây dựng các luật.

- Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước quy định thống nhất về số liệu theo niên độ báo cáo (từ 15 tháng 12 năm trước liền kề đến 14 tháng 12 của năm sau). Do vậy, Chính phủ kiến nghị Quốc hội cho phép Báo cáo việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới của Chính phủ sẽ báo cáo Quốc hội vào kỳ họp tháng 5 hàng năm (theo Điều 25 của Luật Bình đẳng giới).

- Đảm bảo việc phân bổ kinh phí thích đáng để thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới và các chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trong quá trình xem xét, thông qua ngân sách, các chương trình đầu tư công.

**b) Đối với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên**

- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các tổ chức thành viên, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chủ động giám sát cũng như hướng dẫn, chỉ đạo cấp cơ sở giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, nhất là tham gia xây dựng pháp luật, giám sát việc lồng ghép giới trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan từ trung ương đến địa phương.

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về bình đẳng giới; tăng cường phối hợp trong tham gia xây dựng và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, chính sách về bình đẳng giới.

- Tăng cường vận động nguồn lực, phối hợp triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

**4. Một số giải pháp trọng tâm trong giai đoạn tới**

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, trách nhiệm quản lý của chính quyền các cấp trong việc nâng cao nhận thức, triển khai thực hiện và hoàn thiện thể chế về bình đẳng giới. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện các quy định về bình đẳng giới.

- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện, lồng ghép giới và đẩy nhanh việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, đặc biệt là các nhóm đối tượng yếu thế, chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật bảo đảm các nguyên tắc bình đẳng giới trên các lĩnh vực có liên quan, trong đó tập trung nghiên cứu, đánh giá việc thực hiện bình đẳng giới trong một số lĩnh vực để phục vụ cho việc đề xuất sửa Luật Bình đẳng giới trong thời gian tới. Thực hiện lồng ghép các nội dung bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật và các chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai có hiệu quả các Chương trình thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới như: Chương trình Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2011-2030, Chương trình Phòng ngừa, ứng



phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025 và các dự án, nội dung về bình đẳng giới trong các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về bình đẳng giới. Xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện Chương trình Truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030. Triển khai có hiệu quả Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- Tăng cường năng lực bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới các cấp; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới; xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê về giới của quốc gia.

- Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế trong thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới; huy động sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính, chuyên môn của các cá nhân, tổ chức quốc tế trong lĩnh vực bình đẳng giới./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban quốc gia VSTBPN Việt Nam;
- Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: QHĐP, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX (2b). 25

**TM. CHÍNH PHỦ  
TU. THỦ TƯỚNG  
BỘ TRƯỞNG  
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**



**Đào Ngọc Dung**